BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BẠCH MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2019

PHỤ LỤC 2
Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Tại một thời điểm)
(Kèm theo công văn số: 603/CV-BM ngày 17 tháng 05 năm 2019)

I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
1.1. CHUYÊN KHOA CẤP I
1.1.1. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Phạm Mạnh Cường	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019681	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
2.	Nguyễn Hữu An	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	037666	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	3				
3.	Đỗ Huy Hoàng	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu – sinh dục	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
4.	Hoàng Thị Vân Hoa	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019434	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11				
5.	Lê Thị My	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	32206	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	Chẩn đoán hình ảnh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện	

6.	Nguyễn Thị Tố Ngân	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32208	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	tim, phổi, lồng ngực		quang	
7.	Phùng Bảo Ngọc	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32216	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	Chẩn đoán hình ảnh xương, khớp, mạch máu và một số tuyến nông	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
8.	Nguyễn Ngọc Tráng	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	0012741	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	8				
9.	Phan Hoàng Giang	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32210	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	Chẩn đoán hình ảnh thần kinh và X quang can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
10.	Nguyễn Quang Anh	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32204	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5				

1.1.2. THẦN KINH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lâm Văn Chế	Thạc sĩ y học	Nội thần kinh	0019241	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	38	Bệnh lý mạch máu não	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
2.	Phan Văn Đức	Thạc sĩ y học	Nội Thần kinh	0019247	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13	Động kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
3.	Nguyễn Tiến Nam	Thạc sĩ y học	Nội Thần kinh	0019178	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	12	Bệnh nhiễm trùng hệ thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
4.	Bùi Thị Tuyến	Thạc sĩ y học	Nội Thần kinh	0019240	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	23	Bệnh thần kinh ngoại biên, bệnh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2

							thần kinh – cơ			
5.	Hà Hữu Quý	Thạc sĩ y học	Nội Thần kinh	0019242	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	12	Các bệnh thần kinh thường gặp khác	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2

1.1.3. NỘI TIM MẠCH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lê Thanh Bình	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013982	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	11	Bệnh học tim mạch đại cương	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
2.	Hoàng Việt Anh	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013980	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	12				
3.	Nguyễn Ngọc Dư	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	031883	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Hô hấp	3	Bệnh học nội khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	4
4.	Hoàng Anh Đức	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	030304	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Hô hấp	3				
5.	Phạm Thu Hà	Bác sĩ nội trú	Nội khoa		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nội tiết	23			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	4
6.	Hoàng Thị Liên Phương	Thạc sĩ y học	Nội khoa	000586	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	17				

7.	Đặng Đức Hảo	Thạc sĩ y học	Nội khoa		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	23			Khoa Thận tiết niệu	4
8.	Lâm Thị Kim Oanh	Thạc sĩ y học	Nội khoa		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	24				
9.	Giáp Thị Minh Nguyệt	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0012842	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	12	Cấp cứu tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
10.	Đào Ngọc Thủy	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013965	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	26				
11.	Trần Song Giang	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013973	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	18	Bệnh học tim mạch nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
12.	Nguyễn Thị Mai Ngọc	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019763	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	18				
13.	Hoàng Thị Phú Bằng	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013979	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	9	Rối loạn nhịp tim, điện tâm đồ và nghiệm pháp gắng sức	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
14.	Vũ Quang Ngọc	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	0019780	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	9				
15.	Trần Bá Hiếu	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013944	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	11	Chẩn đoán hình ảnh trong tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
16.	Phạm Trần Linh	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013945	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	14				
17.	Đỗ Phương Anh	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013975	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	14	Thăm dò huyết động và tim mạch can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
18.	Phan Đình Phong	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0019841	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	12				

1.1.4. XÉT NGHIỆM CHUNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Kiều Hoa	Thạc sĩ	Hóa sinh	0012507	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	21	Hóa sinh lâm sàng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	
2.	Dương Thị Tuyết	Thạc sĩ	Hóa sinh	032829	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	21				
3.	Đỗ Mạnh Tuấn	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Huyết học - Truyền máu	0009934	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	38	Huyết học truyền máu cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	
4.	Vũ Văn Trường	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Huyết học - Truyền máu	002174	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học	23				
5.	Đoàn Mai Phương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Vi sinh		Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	37	Vi sinh lâm sàng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Vi sinh	
6.	Vũ Thị Tường Vân	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Vi sinh	0012654	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	36				
7.	Đinh Thị Thanh Hòa	Thạc sĩ	Hóa sinh	0019715	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	10	Hóa sinh tự chọn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	
8.	Nguyễn Hoài Nam	Thạc sĩ	Hóa sinh	032830	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	11				
9.	Dương Thị Thùy Linh	Thạc sĩ y học	Huyết học - Truyền máu	0020415	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	10	Huyết học truyền máu tự chọn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	

10.	Phạm Liên Hương	Thạc sĩ y học	Huyết học - Truyền máu	0019751	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	9				
11.	Lê Thị Ngân	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0012787	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	17	Vi sinh tự chọn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Vi sinh	
12.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ	Vi sinh	0012789	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	11				

1.1.5. UNG THƯ

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Đoàn Xuân Trường	Bác sĩ nội trú	Y học hạt nhân và UB	036106	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	10	Ung thư đại cương	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	4
2.	Ngô Thùy Trang	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và UB	0019704	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	10				
3.	Trần Hải Bình	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và UB	0019844	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	10	Phẫu thuật điều trị ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	4
4.	Lê Viết Nam	Bác sĩ nội trú	Ung thư	032675	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	3				

5.	Nguyễn Phước Vĩ Anh	Thạc sĩ y học	Ngoại	0019359	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	23			Khoa Ngoại tổng hợp	4
6.	Triệu Văn Trường	Thạc sĩ y học	Ngoại	0013906	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	16				
7.	Vũ Hữu Khiêm	Tiến sĩ y học	Ung thư	0019128	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	12	Xạ trị bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	4
8.	Ngô Thị Thu Hiền	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và UB		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	7				
9.	Nguyễn Thị Hoa Mai	Bác sĩ Nội trú	Ung thư	036129	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	3	Hóa trị liệu bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	4
10.	Nguyễn Đức Luân	Bác sĩ Nội trú	Ung thư	32318	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	3				

1.1.6. HỒI SỨC CẤP CỨU

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Khương Quốc Đại	Bác sĩ nội trú	Hồi sức cấp cứu	035623	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	3	Định hướng chuyên khoa – các	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2

							cấp cứu thường gặp			
2.	Vương Xuân Trung	Bác sĩ nội trú	Hồi sức cấp cứu	36950	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	3	Định hướng chuyên khoa – thủ thuật hồi sức cấp cứu cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
3.	Nguyễn Bá Cường	Bác sĩ nội trú	Hồi sức cấp cứu	037359	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	3			Khoa Hồi sức tích cực	2
4.	Bùi Thị Hương Giang	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0012917	Hồi sức tích cực	21	Hồi sức cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	2
5.	Trần Hữu Thông	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	002177	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	17	Cấp cứu nội khoa cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
6.	Nguyễn Trung Nguyên	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu	000198	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	16	Chống độc cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Chống độc	5
7.	Lê Quang Thuận	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	000197	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	10				
8.	Vũ Anh Phương	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	17				
9.	Vũ Minh Đức	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu		Hồi sức tích cực	17	Thông khí nhân tạo (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	4
10.	Lê Thị Diễm Tuyết	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	004182	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	28				
11.	Vũ Tưởng Lân	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	003477	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	3	Cấp cứu ban đầu chấn thương (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2

1.1.7. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Văn Minh	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0013771	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	4	Gây mê cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Gây mê hồi sức	10
2.	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0019872	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	18	Gây mê chung	Chi tiết theo Phụ lục 1		
3.	Nguyễn Trường Sơn	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0019873	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	31	Gây tê	Chi tiết theo Phụ lục 1		
4.	Ngô Thanh Sơn	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0019874	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	14	Hồi sức ngoại khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1		
5.	Nguyễn Hồng Thủy	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0019143	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	11	Gây mê hồi sức sản khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1		
6.	Đỗ Thu Trang	Thạc sĩ y học	Gây mê Hồi sức		Chuyên khoa Gây mê hồi sức	3	Gây mê hồi sức trẻ em	Chi tiết theo Phụ lục 1		

1.1.8. NỘI KHOA

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Quốc Thái	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	032854	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	6	Truyền nhiễm	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	5
2.	Nguyễn Thị Diễm Hồng	Thạc sĩ y học	Truyền nhiễm	0010357	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	31				
3.	Ngô Chí Cương	Thạc sĩ y học	Truyền nhiễm	037373	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	11				
4.	Phương Thanh Hà	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	0019918	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	10	Thần kinh nội khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	4
5.	Lê Thị Mỹ	Bác sĩ nội trú	Thần kinh		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	1				
6.	Đoàn Thị Phương Lan	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	004451	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	16	Hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	5
7.	Nguyễn Thị Diệu Hồng	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	004902	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	23				
8.	Phan Thị Hạnh	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	0025323	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	9				
9.	Nguyễn Thị Thục Hiền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội – Nội tiết	004455	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	25	Nội tiết	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	4

10.	Hà Lương Yên	Thạc sĩ y học	Nội – Nội tiết	0019739	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết	21				
11.	Hoàng Anh Tuấn	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	3	Thận tiết niệu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	5
12.	Nguyễn Thị Vân	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	3				
13.	Nguyễn Văn Thanh	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	10				
14.	Phạm Thị Thu Hiền	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0019249	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	24	Tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	5
15.	Lê Thị Vân Anh	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa	005036	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	24				
16.	Bùi Quang Thạch	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0012678	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	10				
17.	Nguyễn Thị Hiền	Bác sĩ nội trú	Nội Xương khớp	0012695	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	11	Cơ Xương Khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	5
18.	Lê Thị Liễu	Thạc sĩ y học	Nội Xương khớp	0012682	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	12				
19.	Bùi Hải Bình	Thạc sĩ y học	Nội Xương khớp	000554	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	15				
20.	Nguyễn Công Tấn	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0012897	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu,	23	Hồi sức cấp cứu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	4

					Nội khoa					
21.	Nghiêm Thị Phương Hồng	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	00177783	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	2				
22.	Nguyễn Phương Anh	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013958	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10	Tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	10
23.	Phan Thanh Nam	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019778	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Tim mạch	10				
24.	Nguyễn Đức Nhã	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019828	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	9				
25.	Đỗ Thúy Cẩn	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013976	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	12				
26.	Nguyễn Hữu Tuấn	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013938	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				
27.	Nguyễn Thị Hải Yến	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019762	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				
28.	Nguyễn Thị Lan Hương	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Huyết học truyền máu	0012714	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	18	Huyết học truyền máu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	9
29.	Nguyễn Văn Hưng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	000169	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	9				
30.	Nguyễn Thiên Lữ	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0012715	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu và Xét nghiệm Huyết học	9				

31.	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0012713	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	18				
32.	Phạm Thị Hằng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0012716	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	6				

1.1.9. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lê Thị Phương Dung	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Phục hồi chức năng	0019708	Phục hồi chức năng	9	Định hướng chuyên khoa phục hồi chức năng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Phục hồi chức năng	5
2.	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ nội trú	Phục hồi chức năng		Phục hồi chức năng	5	Phục hồi chức năng trong nội khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1		
3.	Lương Tuấn Khanh	Phó giáo sư; Tiến sĩ	Phục hồi chức năng	0012633	Phục hồi chức năng	18	Phục hồi chức năng trong ngoại khoa, chấn thương chỉnh hình	Chi tiết theo Phụ lục 1		
4.	Đỗ Đào Vũ	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Phục hồi chức năng	0019252	Phục hồi chức năng	12	Phục hồi chức năng trong nhi	Chi tiết theo Phụ lục 1		

							khoa			
5.	Nguyễn Xuân Đông	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng		Phục hồi chức năng	5	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Chi tiết theo Phụ lục 1		

1.1.10. TRUYỀN NHIỄM

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lê Xuân Luật	Tiến sĩ y học	Truyền nhiễm	035680	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	3	Truyền nhiễm cơ sở	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
2.	Ngô Thị Phương Nhung	Bác sĩ nội trú	Truyền nhiễm	032890	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	3	Các bệnh gây dịch quan trọng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
3.	Lê Thị Họa	Bác sĩ nội trú	Truyền nhiễm	0019208	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	6	Kháng sinh và hóa học trị liệu trong thực hành lâm sàng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
4.	Đoàn Thu Trà	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	10306	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	24	Các bệnh do vi khuẩn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
5.	Nguyễn Thị Hương Giang	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	20414	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	18	Các bệnh do virus	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
6.	Nguyễn Phương Hoa	Thạc sĩ	Truyền nhiễm	10349	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	26	Các bệnh do giun, sán, ký sinh đơn bào và nấm	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2

1.1.11. RĂNG HÀM MẶT

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Từ Mạnh Sơn	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt	000333	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	33	Điều trị răng và nha chu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Răng hàm mặt	4
2.	Đỗ Thị Hồng Nga	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt	000181	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	26				
3.	Trịnh Hồng Mỹ	Tiến sĩ y học	Răng hàm mặt	000329	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	18	Phục hình và chỉnh nha	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Răng hàm mặt	4
4.	Nguyễn Phương Ngà	Thạc sĩ y học	Răng hàm mặt	000173	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	23				
5.	Nguyễn Xuân Thực	Tiến sĩ y học	Răng hàm mặt	000226	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	18	Phẫu thuật hàm mặt và bệnh học miệng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Răng hàm mặt	4
6.	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt	002205	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	23				
7.	Lê Bảo Trâm	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt	000084	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	23	Phẫu thuật trong miệng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Răng hàm mặt	4
8.	Hoàng Ngọc Lan	Tiến sĩ y học	Răng hàm mặt	0014556	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	17				

9.	Nguyễn Thanh Hương	Thạc sĩ y học	Răng hàm mặt	000295	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	23	Nha khoa công cộng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Răng hàm mặt	4
10.	Nguyễn Thị Phương Mai	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Răng hàm mặt	000355	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	18				

1.2. CHUYÊN KHOA CẤP II

1.2.1 NGOẠI TIÊU HÓA

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Trần Hữu Vinh	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Ngoại	0012647	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	39	Cấp cứu ngoại khoa tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Ngoại tổng hợp	2
2.	Trần Mạnh Hùng	Tiến sĩ y học	Ngoại	0013923	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	13	Bệnh lý ngoại khoa ống tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Ngoại tổng hợp	2
3.	Nguyễn Minh Tuấn	Tiến sĩ y học	Ngoại	0013925	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	15	Bệnh lý ngoại khoa gan, mật, tụy, lách	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Ngoại tổng hợp	2
4.	Trần Hiếu Học	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Ngoại	0012646	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	39	Bệnh lý ngoại nhi tiêu hóa và phẫu thuật nội soi ổ bụng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Ngoại tổng hợp	2

1.2.2. THẦN KINH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lê Văn Thính	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Thần kinh	012656	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	37	Bệnh lý mạch máu não	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
2.	Võ Hồng Khôi	Tiến sĩ y học	Thần kinh	0019244	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	15	Động kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
3.	Nguyễn Văn Liệu	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Thần kinh	0009810	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	33	Bệnh nhiễm trùng hệ thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
4.	Nguyễn Thị Thanh Vân	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Thần kinh	0019239	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	23	Bệnh lý thần kinh thường gặp khác	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2

1.2.3. HỒI SỨC CẤP CỨU

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Gia Bình	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	000202	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	37	Hồi sức	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	4
2.	Đào Xuân Cơ	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	000435	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Nhi khoa	14				
3.	Nguyễn Đạt Anh	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0010343	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	34	Cấp cứu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	4
4.	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0013927	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	13				
5.	Đặng Thị Xuân	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Hồi sức cấp cứu	000114	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Nhi khoa	30	Chống độc	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Chống độc	4
6.	Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0019283	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	23				
7.	Đỗ Ngọc Sơn	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	002220	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	17	Thông khí nhân tạo (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
8.	Lương Quốc Chính	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	002180	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	11	Cấp cứu ban đầu chấn thương (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2

1.2.4. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Phạm Minh Thông	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0012632	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	34	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa và cấp cứu bụng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
2.	Nguyễn Xuân Hiền	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	002100	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	23	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu và sinh dục	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
3.	Nguyễn Duy Trinh	Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019432	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	15	Chẩn đoán hình ảnh lồng ngực	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
4.	Trần Anh Tuấn	Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019435	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	10	Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp, mạch máu và một số tuyến nông	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
5.	Vũ Đăng Lưu	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0012645	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	13	Chẩn đoán hình ảnh thần kinh và X quang can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	

6.	Nguyễn Thu Hương	Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0011490	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11	Chẩn đoán hình ảnh mặt, tai mũi họng, mắt (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	
7.	Đoàn Văn Hoan	Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	033677	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh		Chẩn đoán hình ảnh nhi khoa (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Điện quang	

1.2.5. NỘI HÔ HẤP

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Hoàng Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	000615	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	13	Nội tổng quát	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
2.	Nghiêm Trung Dũng	Tiến sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	0009381	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	12			Khoa Thận tiết niệu	2
3.	Nguyễn Phương Mai	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Nội – Nội tiết	0004491	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết	23			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
4.	Nguyễn Trường Sơn	Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	005522	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	22			Khoa Tiêu hóa	2
5.	Trương Thanh Thủy	Bác sỹ chuyên khoa cấp	Thần kinh	0019245	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	18			Khoa Thần kinh	2

		II								
6.	Phạm Quốc Khánh	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Tim mạch	0012630	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	38			Viện Tim mạch	2
7.	Nguyễn Tuấn Tùng	Tiến sĩ y học	Huyết học truyền máu	032586	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	15			Trung tâm Huyết học truyền máu	2
8.	Vũ Văn Giáp	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội – Hô hấp	004433	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	14	Bệnh hô hấp nhiễm trùng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
9.	Phan Thu Phương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội – Hô hấp	004429	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	21	Bệnh hô hấp không do nhiễm trùng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
10.	Chu Thị Hạnh	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội – Hô hấp	004458	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	21	Bệnh tim mạch trong hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
11.	Nguyễn Hải Anh	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội – Hô hấp	004430	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	35	Kỹ thuật thăm dò chẩn đoán và điều trị bệnh hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2

1.2.6. NỘI XƯƠNG KHỚP

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Ngô Quý Châu	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Hô hấp	004236	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội		Nội tổng quát	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2

					Hô hấp					
2.	Đỗ Gia Tuyển	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	000410	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Thận tiết niệu	22			Khoa Thận tiết niệu	2
3.	Nguyễn Khoa Diệu Vân	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Nội tiết	000584	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội tiết	31			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
4.	Nguyễn Công Long	Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0012675	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Tiêu hóa	18			Khoa Tiêu hóa	2
5.	Nguyễn Văn Tuận	Tiến sĩ y học	Thần kinh	0019154	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Thần kinh	18			Khoa Thần kinh	2
6.	Phạm Thị Tuyết Nga	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013971	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tim mạch	14			Viện Tim mạch	2
7.	Vương Sơn Thành	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Huyết học truyền máu	32322	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	12			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
8.	Trần Thị Tô Châu	Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	0010445	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	22	Bệnh lý khớp, cột sống, cơ viêm và tự miễn; Bệnh khớp, cột sống, phần mềm do thoái hóa khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2

9.	Nguyễn Vĩnh Ngọc	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	000925	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	31	Bệnh xương: loãng xương và các bệnh rối loạn chuyển hóa xương	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
10.	Nguyễn Mai Hồng	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	0012642	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	35	Bệnh nhiễm khuẩn cơ xương khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
11.	Hoàng Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	000615	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	13	Bệnh lý khối u (u nguyên phát tại xương	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
12.	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	0012890	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	23	Kỹ thuật chọc hút dịch khớp và tiêm khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2

1.2.7. NỘI TIM MẠCH

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Phan Thu Phương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Hô hấp	004429	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	21	Nội tổng quát	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2

2.	Nguyễn Quang Bảy	Tiến sĩ y học	Nội Nội tiết	000606	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nội tiết	21			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
3.	Đặng Thị Việt Hà	Phó Giáo sư, Tiến sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	002104	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu				Khoa Thận tiết niệu	2
4.	Hoàng Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	000615	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	13			Khoa Cơ xương khớp	2
5.	Nguyễn Thị Vân Hồng	Phó Giáo sư, Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	000918	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hóa				Khoa Tiêu hóa	2
6.	Vũ Minh Phương	Phó Giáo sư, Tiến sĩ y học	Huyết học truyền máu	0019910	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học Truyền máu	13			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
7.	Nguyễn Thị Bạch Yến	Phó Giáo sư, Tiến sĩ y học	Tim mạch	0012629	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	31	Cấp cứu tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
8.	Hàn Nhất Linh	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013963	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch					
9.	Đinh Thị Thu Hương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Tim mạch	006383	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	33	Bệnh học tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
10.	Lê Tuấn Thành	Tiến sĩ y học	Tim mạch		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	5				
11.	Trương Thanh Hương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013949	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch		Thăm dò hình ảnh trong tim	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4

12.	Tạ Mạnh Cường	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Tim mạch	000132	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp và Tim mạch	21	mạch			
13.	Nguyễn Thị Thu Hoài	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013969	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	23	Rối loạn nhịp tim, điện tâm đồ và nghiệm pháp gắng sức	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
14.	Phạm Thị Tuyết Nga	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013971	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tim mạch	14				
15.	Nguyễn Quốc Thái	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0019761	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	18	Thăm dò huyết động và tim mạch can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	4
16.	Vũ Anh Dũng	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0019766	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tim mạch	34				

1.2.8. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Nguyễn Hoàng Phương	Tiến sĩ y học	Dị ứng MDLS	0014013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	24	Dị ứng lâm sàng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Dị ứng MDLS	2
2.	Phạm Huy Thông	Tiến sĩ y học	Dị ứng MDLS	0019406	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	23	Bệnh tự miễn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Dị ứng MDLS	2

3.	Nguyễn Văn Đoàn	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Dị ứng MDLS	002144	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng		Các bệnh dị ứng do bụi nhà (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Dị ứng MDLS	2
4.	Hoàng Thị Lâm	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Dị ứng MDLS	0009861	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	23	Dị ứng nghề nghiệp (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Dị ứng MDLS	2

1.2.9. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Ngô Văn Hào	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Gây mê Hồi sức	0019721	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	35	Hồi sức chu phẫu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Gây mê hồi sức	2
2.	Trần Đăng Luân	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Gây mê Hồi sức	0012640	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	31	Gây mê	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Gây mê hồi sức	2
3.	Trần Hải Phong	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Gây mê Hồi sức		Chuyên khoa Gây mê hồi sức		Gây tê	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Gây mê hồi sức	2
4.	Nguyễn Toàn Thắng	Tiến sĩ y học	Gây mê Hồi sức	0013993	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	10	Giảm đau	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Gây mê hồi sức	2

1.2.10. HÓA SINH Y HỌC

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Bùi Tuấn Anh	Tiến sĩ y học	Hoá sinh	001196	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	29	Chuyên đề dấu ấn ung thư: gốc tự do và sự chống oxy hóa, độc chất học, chuyển hóa xenebiotic, hóa sinh môi trường	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	
2.	Nguyễn Chính Nghĩa	Tiến sĩ y học	Hoá sinh	0012644	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	16	Chuyên đề hóa sinh dinh dưỡng, hóa sinh thai nghén, hóa sinh tuổi già, hóa sinh trẻ em và sơ sinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	
3.	Đào Huyền Quyên	Tiến sĩ y học	Hoá sinh	005114	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	21	Một số hiểu biết mới về các dấu ấn bệnh tim mạch, bệnh nhiễm trùng, dấu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	

							ấn bệnh xương			
4.	Phạm Thiện Ngọc	Phó Giáo sĩ; Tiến sĩ y học	Hoá sinh	0012643	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	40	Một số bệnh di truyền, chẩn đoán trước sinh, gen và bệnh lý liên quan	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	

1.2.11. NỘI TIÊU HÓA

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Ngô Quý Châu	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Hô hấp	004236	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp		Nội tổng quát	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
2.	Nguyễn Quang Bảy	Tiến sĩ y học	Nội Nội tiết	000606	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nội tiết	21			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
3.	Đỗ Gia Tuyển	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	000410	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Thận tiết niệu	22			Khoa Thận tiết niệu	2
4.	Hoàng Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	000615	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	13			Khoa Cơ Xương khớp	2

5.	Võ Hồng Khôi	Tiến sĩ y học	Thần kinh	0019244	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	15			Khoa Thần kinh	2
6.	Phạm Thị Tuyết Nga	Tiến sĩ y học	Tim mạch	0013971	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tim mạch	14			Viện Tim mạch	2
7.	Vương Sơn Thành	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Huyết học truyền máu	32322	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	12			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
8.	Vũ Trường Khanh	Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0012639	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	21	Bệnh lý ống tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
9.	Nguyễn Công Long	Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0012675	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	18	Bệnh lý gan mật	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
10.	Nguyễn Trường Sơn	Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	005522	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	22	Bệnh lý hậu môn – trực tràng, màng bụng, tụy	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
11.	Nguyễn Thị Vân Hồng	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Tiêu hóa	000918	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá		Các thăm dò trong hệ tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2

1.2.12. TÂM THẦN

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Doãn Phương	Tiến sĩ y học	Tâm Thần	0012626	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	35	Nội sinh và rối loạn liên quan stress	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2
2.	Nguyễn Thị Phương Loan	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tâm Thần	0012771	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	26	Thực tổn nghiện chất	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2
3.	Hồ Thu Yến	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tâm Thần	0012763	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	11	Điều trị - Dự phòng bệnh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2
4.	Ngô Văn Tuất	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tâm Thần	0012779	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	11	Tâm thần học nhi (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2
5.	Nguyễn Thị Minh Hương	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tâm Thần	0012757	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	7	Tâm thần học người già (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2
6.	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ y học	Tâm Thần	0013649	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	9	Giám định pháp y tâm thần và tổ chức cơ sở tâm thần (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	2

1.2.13. UNG THƯ

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Phạm Văn Thái	Tiến sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	0019132	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	14	Phẫu thuật điều trị ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
2.	Trần Hiếu Học	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Ngoại	0012646	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	39			Khoa Ngoại tổng hợp	2
3.	Vũ Công Khanh	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Phụ Sản	000563	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	28			Khoa Phụ Sản	2
4.	Trần Đình Hà	Phó giáo sư; Tiến sĩ y học	Y học HN&UB	0012636	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	36	Xạ trị bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
5.	Phạm Cẩm Phương	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Y học HN&UB	0019129	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	13	Hóa trị liệu bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
6.	Nguyễn Quang Hùng	Tiến sĩ y học	Y học HN&UB	0019146	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	13	Ung thư đầu – cổ - đường hô hấp (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
7.	Nguyễn Huy Bình	Tiến sĩ y học	Y học HN&UB		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân,		Ung thư vú – phụ khoa (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và	2

					Ung bướu				Ung bướu	
8.	Nguyễn Minh Tuấn	Tiến sĩ y học	Ngoại	0013925	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	15			Khoa Ngoại tổng hợp	2
9.	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiến sĩ y học	Phụ Sản	0020418	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa				Khoa Phụ Sản	2
10.	Vương Ngọc Dương	Tiến sĩ y học	YHHN và UB	0019834	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	14	Ung thư tổng hợp (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
11.	Vũ Đức Long	Tiến sĩ y học	Ngoại	0014018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10			Khoa Ngoại tổng hợp	2

1.3. BÁC SĨ NỘI TRÚ BỆNH VIỆN

1.3.1. NỘI HÔ HẤP

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Nguyễn Minh Hùng	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013959	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	17	Tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	2
2.	Nguyễn Thị Nga	Thạc sĩ y học	Nội Xương khớp	0010368	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	10	Cơ Xương Khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2

3.	Hoàng Nam	Bác sĩ nội trú	Nội Tiêu hóa	030453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	11	Tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
4.	Phạm Thị Lệ Quyên	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	004888	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Hô hấp	10	Hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
5.	Mai Thị Hiền	Thạc sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	002101	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	20	Thận tiết niệu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	2
6.	Phan Thị Minh Tâm	Thạc sĩ y học	Nội – Nội tiết	004432	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nội tiết	18	Nội tiết	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
7.	Nguyễn Duy Hiền	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	19344	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	9	Thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
8.	Kiều Thị Vân Oanh	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0019750	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	10	Huyết học	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
9.	Bùi Văn Cường	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	440	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	12	Thông khí nhân tạo	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	2
10.	Trịnh Thị Hương	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	004897	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	11	Hô hấp nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2

1.3.2. THẦN KINH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Thái Duy Thành	Thạc sĩ y học	Thần kinh	0019246	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13	Bệnh lý mạch máu não	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
2.	Trịnh Tiến Lực	Thạc sĩ y học	Thần kinh	0019257	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	18	Động kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
3.	Dương Tuấn Bảo	Thạc sĩ y học	Thần kinh	0019260	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	14	Bệnh lý nhiễm trùng hệ thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
4.	Nguyễn Duy Hiền	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	0019344	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	9	Bệnh lý thần kinh ngoại biên, bệnh lý thần kinh – cơ	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
5.	Nguyễn Phương Anh	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	032613	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	3	Bệnh lý thần kinh thường gặp khác	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2

1.3.3. NỘI THẬN TIẾT NIỆU

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Tuấn Hải	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019839	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	13	Tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	2
2.	Nguyễn Thị Như Hoa	Bác sĩ nội trú	Nội Xương khớp	004448	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	9	Cơ Xương Khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
3.	Lê Tú Anh	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa	0019833	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	22	Tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
4.	Lê Thị Thu Trang	Thạc sĩ y học	Nội – Hô hấp	0019921	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	9	Hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
5.	Nguyễn Thị An Thủy	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	6	Thận tiết niệu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	2
6.	Nguyễn Đình Đức	Bác sĩ nội trú	Nội – Nội tiết		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội – Nội tiết	3	Nội tiết	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
7.	Phương Thanh Hà	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	0019918	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Thần kinh	10	Thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
8.	Phạm Thị Hằng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0012716	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	7	Huyết học	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2

9.	Cao Thị Như	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu	3	Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân thận tiết niệu có liên quan đến ngoại khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	2
10.	Đặng Thị Việt Hà	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Thận tiết niệu	002104	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận tiết niệu		Thận tiết niệu nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	2

1.3.4. NỘI TIM MẠCH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lã Quý Hương	Thạc sĩ y học	Nội khoa	0019305	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	9	Bệnh học nội khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
2.	Trịnh Ngọc Anh	Bác sĩ Nội trú	Nội khoa		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nội tiết	7			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
3.	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ y học	Nội khoa	0009382	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	9			Khoa Thận tiết niệu	2
4.	Trần Ngọc Tùng	Thạc sĩ y học	Nội khoa	0012691	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	10			Khoa Cơ Xương khớp	2

5.	Vũ Công Thắng	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	0012673	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	9			Khoa Tiêu hóa	2
6.	Nguyễn Thị Thùy Dương	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	32306	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	5			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
7.	Trịnh Thị Phương Lâm	Thạc sĩ	Thần kinh	19179	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	10			Khoa Thần kinh	2
8.	Đỗ Thị Thu Trang	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019698	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	9	Cấp cứu tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
9.	Văn Đức Hạnh	Thạc sĩ y học	Tim mạch	004169	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				
10.	Doãn Hữu Linh	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013960	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	8				
11.	Đặng Minh Hải	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013964	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	7	Rối loạn nhịp tim, điện tâm đồ và nghiệm pháp gắng sức	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
12.	Nguyễn Anh Quân	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0012844	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	7				
13.	Đỗ Quốc Hiển	Thạc sĩ y học	Tim mạch	32150	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	8				
14.	Nguyễn Văn Hiếu	Bác sĩ nội trú	Tim mạch		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	3	Thăm dò hình ảnh trong tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
15.	Nguyễn Thị Thu Hương	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	0025134	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	6				

16.	Trần Ngọc Lan	Thạc sĩ y học	Tim mạch	32154	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	7				
17.	Nguyễn Duy Linh	Bác sĩ nội trú	Tim mạch		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	3	Thăm dò huyết động và tim mạch can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
18.	Viên Hoàng Long	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32179	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	5				
19.	Phan Tuấn Đạt	Bác sĩ nội trú	Tim mạch		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	8				
20.	Nguyễn Thị Lệ Thúy	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	034508	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	3	Các yếu tố nguy cơ và phòng ngừa bệnh tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
21.	Phạm Thu Thủy	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	011939	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	3				
22.	Trần Bảo Trang	Thạc sĩ y học	Tim mạch	028931	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	7				
23.	Nguyễn Thị Hải Yến	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019762	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10	Bệnh học tim mạch nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	5
24.	Lê Xuân Thận	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0013983	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				
25.	Ngô Phi Long	Thạc sĩ y học	Tim mạch	0019768	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Tim mạch	13				

1.3.5. TRUYỀN NHIỄM

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ y học	Truyền nhiễm	0013991	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	7	Truyền nhiễm cơ sở	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
2.	Bùi Đức Nguyên	Tiến sĩ y học	Truyền nhiễm	0010271	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	10	Các bệnh dịch lưu hành	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
3.	Đỗ Duy Cường	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Truyền nhiễm	0013992	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	13	Kháng sinh và hóa học trị liệu trong thực hành lâm sàng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
4.	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Truyền nhiễm	032855	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	5	Các bệnh do vi khuẩn	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
5.	Nguyễn Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Truyền nhiễm	0010416	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	18	Các bệnh do virut	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2
6.	Đỗ Thị Liễu Mai	Thạc sĩ y học	Truyền nhiễm	0010298	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	26	Các bệnh do giun sán, ký sinh đơn bào và nấm	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	2

1.3.6. UNG THƯ

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Xuân Thanh	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	19144	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	12	Ung thư đại cương	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
2.	Lê Quang Hiển	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	036127	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	5	Phẫu thuật điều trị ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
3.	Hoàng Anh	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	032784	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	5			Ngoại tổng hợp	2
4.	Bùi Tiến Công	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	036121	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	4	Xạ trị bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2
5.	Võ Thị Huyền Trang	Bác sĩ Nội trú	Y học hạt nhân và Ung bướu	036130	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	3	Hóa trị liệu bệnh ung thư	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	2

1.3.7. NỘI XƯƠNG KHỚP

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Trần Huyền Trang	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32175	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tim mạch	5	Tim mạch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	2
2.	Nguyễn Ngọc Bích	Bác sĩ nội trú	Nội Xương khớp	030033	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Xương khớp	4	Cơ Xương Khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2
3.	Đặng Trung Hiếu	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hóa	7	Tiêu hóa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
4.	Nguyễn Thanh Thủy	Bác sĩ nội trú	Nội – Hô hấp	0022914	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội – Hô hấp	6	Hô hấp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
5.	Nguyễn Quang Khôi	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	10487	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận - Tiết niệu	9	Thận tiết niệu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thận tiết niệu	2
6.	Hoàng Tiến Hưng	Thạc sĩ y học	Nội – Nội tiết	005053	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội – Nội tiết	16	Nội tiết	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
7.	Tô Thị Thu Hương	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	19177	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	9	Thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Thần kinh	2
8.	Phan Thị Phượng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	32310	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học	7	Huyết học	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2

9.	Nguyễn Mai Hồng	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Nội Xương khớp	0012642	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	35	Môn chuyên ngành sâu: Cơ Xương Khớp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cơ Xương khớp	2

1.3.8. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Vũ Thị Thanh	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32201	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa và cấp cứu bụng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
2.	Nguyễn Thanh Thủy	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	32209	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu và sinh dục	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
3.	Doãn Văn Ngọc	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	Chẩn đoán hình ảnh lồng ngực	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
4.	Cao Thị Hồng Yến	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp, mạch máu và một số tuyến nông	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	

5.	Đỗ Ngọc Giao	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0010139	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	18	Chẩn đoán hình ảnh thần kinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
6.	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0012747	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	15	Chẩn đoán hình ảnh mạch máu và X quang can thiệp	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
7.	Nguyễn Khôi Việt	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	32205	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	13	Chẩn đoán hình ảnh mặt, tai mũi họng, mắt	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	
8.	Vũ Thành Trung	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	004452	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	Chẩn đoán hình ảnh nhi khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Trung tâm Điện quang	

1.3.9. HỒI SỨC CẤP CỨU

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Nguyễn Hữu Quân	Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	002179	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	15	Thủ thuật hồi sức cấp cứu cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
2.	Phạm Thế Thạch	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	436	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu,	8			Khoa Hồi sức tích cực	2

					Nội khoa					
3.	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0019732	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	8			Trung tâm Chống độc	2
4.	Mai Duy Tôn	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	002176	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	14	Cấp cứu trước bệnh viện	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
5.	Đặng Quốc Tuấn	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0010471	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	37	Hồi sức cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	2
6.	Nguyễn Văn Chi	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0010519	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	38	Cấp cứu nội khoa cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
7.	Hà Trần Hưng	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	005029	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16	Chống độc cơ bản	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Chống độc	2
8.	Ngô Đức Ngọc	Phó Giáo sư; Tiến sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	0010528	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16	Y học thảm họa (tự chọn)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	2
9.	Mai Văn Cường	Bác sĩ Nội trú	Hồi sức cấp cứu	439	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	8	Thông khí nhân tạo	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hồi sức tích cực	2
10.	Phan Thanh Thủy	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	0022914	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Hô hấp	3	Nội khoa (chọn thực hành 3 trong số 6 chuyên khoa)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	2
11.	Đào Đức Phong	Thạc sĩ y học	Nội khoa	583	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	18			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
12.	Trần Bích Ngọc	Thạc sĩ y học	Nội khoa	14569	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	14			Khoa Thận tiết niệu	2

13.	Lưu Thị Minh Diệp	Thạc sĩ y học	Nội khoa	0012677	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hóa	23			Khoa Tiêu hóa	2
14.	Hoàng Thị Thu Trang	Bác sĩ nội trú	Nội Xương khớp	030057	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	3			Khoa Cơ Xương Khớp	2
15.	Bùi Thị Hoa	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	32297	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	5			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2

1.3.10. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU

STT	**Họ và tên**	***Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú***	***Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo***	***Chứng chỉ hành nghề***	***Ngành /chuyên ngành đang hành nghề***	***Số năm kinh nghiệm KCB***	***Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành***	***Nội dung môn học***	***Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành***	***Số giường đạt yêu cầu thực hành***
1.	Hoàng Thị Huế	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	32593	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	6	Định hướng chuyên khoa	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
2.	Phạm Quang Vinh	Giáo sư; Tiến sĩ y học	Huyết học truyền máu	32315	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	34	Xét nghiệm huyết học cơ bản và nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
3.	Hoàng Thị Thu Thủy	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	32311	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	5	Truyền máu cơ bản và nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2

4.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	32312	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	5	Huyết học lâm sàng cơ bản và nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	2
5.	Nguyễn Thị Phương	Thạc sĩ y học	Nội Tiêu hóa	030452	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	6	Nội tổng quát	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Tiêu hóa	2
6.	Trần Huyền Trang	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	30056	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	5			Khoa Cơ Xương Khớp	2
7.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ y học	Nội khoa	5044	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	12			Trung tâm Hô hấp	2
8.	Lê Bá Ngọc	Thạc sĩ y học	Nội khoa	582	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	14			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	2
9.	Nguyễn Mạnh Quân	Thạc sĩ y học	Tim mạch	004453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	8			Viện Tim mạch	2
10.	Lê Thúy Hằng	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu	034498	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	3			Khoa Thận tiết niệu	2

1.4. THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Đào Quỳnh Hương	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0019308	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng Nội khoa	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa-hô hấp	Trung tâm Hô hấp	2
2.	Lê Thu Hoài	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0010491	Chăm sóc người bệnh	25	Điều dưỡng Nhi khoa	Thực hiện kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cho trẻ em.	Khoa Nhi	2
3.	Lê Thị Hiền	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0019127	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng người bệnh Ung thư	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ung bướu	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	4
4.	Phan Thị Thu Huệ	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0023272	Chăm sóc người bệnh	15				

II. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
2.1. Y KHOA (ĐA KHOA)

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Bùi Thu Hương	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	32305	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	7	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Hội chứng thiếu máu Hội chứng xuất huyết Bệnh hemophilia Xuất huyết giảm tiểu cầu Thiếu máu thiếu sắt Thiếu máu tan máu Lơ xê mi cấp U lympho Rối loạn đông máu Truyền máu Nhiễm trùng do giảm bạch cầu	Trung tâm Huyết học truyền máu	14
2.	Phạm Phương Thảo	Bác sĩ nội trú	Huyết học truyền máu	36122	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	2				
3.	Dương Hải Yến	Bác sĩ chuyên khoa định hướng	Huyết học truyền máu	32302	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	7				
4.	Phạm Thị Thu Hằng	Bác sĩ chuyên khoa định hướng	Huyết học truyền máu	32291	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	5				
5.	Nguyễn Thị Duyên	Thạc sĩ y học	Tim mạch	19773	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	9	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Suy tim Tăng huyết áp Bệnh lý van tim Bệnh mạch vành	Viện Tim mạch	40
6.	Trịnh Việt Hà	Thạc sĩ y học	Tim mạch	19779	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				

7.	Nguyễn Thị Miên	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32153	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	4		Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn Tràn dịch màng ngoài tim Sử dụng một số nhóm thuốc tim mạch cơ bản		
8.	Nguyễn Đức Nhương	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32141	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	5				
9.	Phạm Tuấn Việt	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32176	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	4				
10.	Nguyễn Vân Anh	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32169	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	5				
11.	Trần Tuấn Việt	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32177	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	4				
12.	Bùi Vĩnh Hà	Bác sĩ nội trú	Tim mạch	32184	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	5				
13.	Vương Hải Hà	Bác sĩ	Tim mạch	12838	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	10				
14.	Lê Võ Kiên	Bác sĩ	Tim mạch	13984	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	11				
15.	Lê Đức Thắng	Bác sĩ	Tim mạch	13981	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	8				
16.	Đặng Thị Vũ Diệu	Bác sĩ	Tim mạch	32775	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	6				
17.	Nguyễn Thị Phương Thủy	Thạc sĩ	Nội khoa	12680	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	15	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Viêm khớp dạng thấp Gout Thoái hóa khớp Viêm cột sống	Khoa Cơ xương khớp	17
18.	Phạm Thị Minh Nhâm	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	12689	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	7				

					Nội Cơ Xương Khớp			dính khớp Loãng xương nguyên phát Lupus ban đỏ hệ thống Viêm đa cơ và viêm da cơ Xơ cứng bì		
19.	Phùng Đức Tâm	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	35166	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	3				
20.	Trần Hoàng Dương	Bác sĩ	Nội khoa	12685	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	24				
21.	Phạm Hoài Thu	Bác sĩ	Nội khoa	921	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	7				
22.	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Nội khoa	9382	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	10	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Hội chứng thận hư Viêm thận, bể thận Viêm bang quang Viêm thận lupus Bệnh thận mạn tính và suy thận mạn Tổn thương thận cấp và suy thận cấp Sỏi tiết niệu Bệnh lý cầu thận Bệnh thận đa nang Sinh thiết thận	Khoa Thận tiết niệu	14
23.	Đào Thị Thu	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	34489	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	3				
24.	Lê Thúy Hằng	Bác sĩ nội trú	Nội Thận tiết niệu	34498	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thận - Tiết niệu	3				
25.	Đồng Thế Uy	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	30283	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	3				
26.	Đặng Quang Nam	Thạc sĩ	Nội khoa	1006	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	2	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Xuất huyết tiêu hóa cao Xơ gan Ung thư gan Abcess gan	Khoa Tiêu hóa	24
27.	Đào Trần Tiến	Thạc sĩ	Nội khoa	4431	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	8				

28.	Nguyễn Nghệ Tĩnh	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	29776	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	4		Viêm loét dạ dày – tá tràng Viêm tụy cấp Viêm tụy mạn, u tụy Viêm ruột: lao ruột, Crohn, viêm loét đại - trực tràng chảy máu Táo bón		
29.	Phạm Bình Nguyên	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	19748	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	9				
30.	Nguyễn Hoài Nam	Bác sĩ	Nội khoa	14004	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	11				
31.	Lê Ngọc Thanh	Bác sĩ	Nội khoa	12676	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	10				
32.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ	Nội khoa	12674	hám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tiêu hoá	10				
33.	Hoàng Thị Liên Phương	Thạc sĩ	Nội khoa	586	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	17	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Đái tháo đường Basedow	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	14
34.	Hoàng Tiến Hưng	Thạc sĩ	Nội khoa	5053	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết	16				
35.	Lê Thị Tâm	Thạc sĩ	Nội khoa	587	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	13				
36.	Bùi Phương Thảo	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	12893	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	8				
37.	Nguyễn Vũ Hoàng Việt	Thạc sĩ	Nội khoa	19306	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	11	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Tràn dịch màng phổi Tràn khí màng phổi Viêm phổi Lao phổi Abcess phổi COPD Hen phế quản Giãn phế quản	Trung tâm Hô hấp	20
38.	Đoàn Thị Hằng	Bác sĩ nội trú	Nội Hô hấp	30447	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	3				
39.	Trương Thị Tuyết	Bác sĩ nội trú	Nội Hô hấp	30353	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	3				

					Nội tổng hợp, Nội Hô hấp			Ung thư phổi Tâm phế mạn		
40.	Nguyễn Thị Tuyết	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	35556	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	2				
41.	Dương Thị Nguyệt Vân	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	30040	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	4				
42.	Nguyễn Văn Ngân	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	35014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	2				
43.	Lê Văn Ký	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu	10336	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	22	Nội cơ sở, Nội bệnh lý	Ngừng tuần hoàn & hồi sinh tim phổi Phù phổi cấp Shock Rối loạn điện giải: tăng và hạ natri máu, tăng và hạ kali máu Rối loạn thăng bằng toan kiềm Điện giật, ngạt nước Ngộ độc cấp, ngộ độc phenobarbital, paracetamol, thuốc trừ sâu phospho hữu cơ Rắn độc cắn	Khoa Cấp cứu	17
44.	Đào Việt Phương	Bác sĩ nội trú	Hồi sức cấp cứu	10292	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	9				
45.	Nguyễn Đức Vinh	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu	10520	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	17				
46.	Nguyễn Tuấn Đạt	Bác sĩ Nội trú	Hồi sức cấp cứu	2219	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	11				
47.	Đỗ Trọng Nam	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu	2178	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	16				
48.	Vương Xuân Toàn	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	37975	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	3			Khoa Hồi sức tích cực	7
49.	Nguyễn Thị Mai Hương	Bác sĩ	Hồi sức cấp cứu	35465	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	5				

					Hồi sức cấp cứu					
50.	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ y học	Hồi sức cấp cứu	19732	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	8			Trung tâm Chống độc	10
51.	Nguyễn Đăng Đức	Bác sĩ	Nội khoa	14419	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	3				
52.	Phan Thị Lan Hương	Bác sĩ	Hồi sức cấp cứu	37376	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	3				
53.	Trịnh Minh Thanh	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	13849	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Tiết niệu, Tiêu hoá	25	Ngoại cơ sở, Ngoại bệnh lý	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa thường gặp (tiêu hóa và gan mật; chấn thương chỉnh hình; tim mạch lồng ngực; thần kinh sọ não và thận tiết niệu)	Khoa Ngoại tổng hợp	30
54.	Hoàng Tuấn Việt	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	32786	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8				
55.	Vương Xuân Thủy	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	19888	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	7				
56.	Nguyễn Phước Vĩ Anh	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	19359	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	23				
57.	Vũ Anh Tuấn	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	1934	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	14				
58.	Cù Trung Kiên	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	35229	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	4				
59.	Nguyễn Vũ Quang	Thạc sĩ y học	Ngoại khoa	32864	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	4				

60.	Đồng Minh Hùng	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	38250	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	2				
61.	Trần Thanh Tùng	Bác sĩ	Ngoại khoa	19904	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	17				
62.	Ngô Thị Bằng	Thạc sĩ y học	Sản phụ khoa	27772	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	6	Sản - Phụ khoa	Hậu sản thường Rau tiền đạo Tiền sản giật – sản giật Dọa sảy thai trong 3 tháng đầu Rong kinh – Rong huyết Nhiễm khuẩn hậu sản Chửa trứng Khám thai	Khoa Phụ Sản	27
63.	Nguyễn Duy Hưng	Thạc sĩ y học	Sản phụ khoa	4865	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	4				
64.	Lê Thị Thúy Hằng	Bác sĩ nội trú	Sản phụ khoa	36946	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	2				
65.	Nguyễn Thanh Ngọc	Bác sĩ nội trú	Sản phụ khoa	28113	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	3				
66.	Dương Văn Quất	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	10352	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	2				
67.	Phan Thị Thu Hằng	Bác sĩ y học	Sản phụ khoa	29645	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	7				
68.	Vũ Mai Liên	Bác sĩ y học	Sản phụ khoa	32270	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	5				
69.	Vương Thị Quỳnh Nga	Bác sĩ y học	Sản phụ khoa	6764	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	3				
70.	Tống Quang Hưng	Thạc sĩ y học	Nhi khoa	8724	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	7	Nhi khoa	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường	Khoa Nhi	24

71.	Bùi Văn Đức	Bác sĩ	Nhi khoa	36119	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4		gặp ở trẻ em (về tim mạch; tiêu hóa - dinh dưỡng; thận tiết niệu; huyết học; hô hấp; thần kinh; truyền nhiễm và sơ sinh) Nhận biết tình trạng nặng và xử trí ban đầu tình trạng nặng ở trẻ em		
72.	Đỗ Hoàng Hải	Bác sĩ	Nhi khoa	36126	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4				
73.	Cao Thị Bích Hảo	Bác sĩ	Nhi khoa	32131	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
74.	Nguyễn Hữu Hiếu	Bác sĩ	Nhi khoa	38259	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	3				
75.	Phạm Văn Hưng	Bác sĩ	Nhi khoa	32132	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
76.	Nguyễn Thị Thúy Liên	Bác sĩ	Nhi khoa	10401	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8				
77.	Đinh Thị Lợi	Bác sĩ nội trú	Thần kinh	19258	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	9	Thần kinh	Khám vận động Khám cảm giác Khám thần kinh sọ Hướng dẫn làm bệnh án thần kinh. Khám một số hội chứng	Khoa Thần kinh	14
78.	Doãn Thị Huyền	Bác sĩ	Thần kinh	0019259	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	11				
79.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Bác sĩ	Thần kinh	19155	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	12				
80.	Lê Mai Trà Mi	Bác sĩ	Thần kinh	19248	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	8				
81.	Trịnh Thị Bích Huyền	Thạc sĩ y học	Tâm Thần	12755	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	14	Tâm thần	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	24
82.	Nguyễn Thị Phương Mai	Thạc sĩ y học	Tâm Thần	19097	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	12				

83.	Vũ Thị Lan	Bác sĩ nội trú	Tâm Thần	32261	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	3				
84.	Bùi Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	Bác sĩ nội trú	Tâm Thần	32264	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	5				
85.	Nguyễn Thị Ái Vân	Bác sĩ nội trú	Tâm Thần	35003	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	3				
86.	Nguyễn Hoàng Yến	Bác sĩ nội trú	Tâm Thần	30069	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	6				
87.	Bùi Văn San	Bác sĩ nội trú	Tâm Thần	30070	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	6				
88.	Trần Việt Hà	Bác sĩ nội trú	Phục hồi chức năng	28128	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	6	Phục hồi chức năng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Phục hồi chức năng	7
89.	Nguyễn Trang Linh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Phục hồi chức năng	31058	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	9				
90.	Phùng Thị Phương Tú	Thạc sĩ y học	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	19369	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	6	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Sốc phản vệ SLE Dị ứng thuốc Một số bệnh lý tư miễn khác Test dị ứng, CNHH Hen phế quản Xơ cứng bì Viêm mạch	Trung tâm Dị ứng Miễn dịch lâm sàng	20
91.	Nguyễn Ngọc Hải	Bác sĩ nội trú	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	35258	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	3				
92.	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sĩ nội trú	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	28125	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	4				
93.	Nguyễn Thị Mai Hương	Bác sĩ nội trú	Dị ứng miễn dịch	19378	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	9				

			lâm sàng		Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng					
94.	Nguyễn Minh Anh	Bác sĩ nội trú	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	28124/	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	4				
95.	Nguyễn Như Nguyệt	Bác sĩ nội trú	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	35466	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	3				
96.	Nguyễn Quốc Vũ	Bác sỹ	Truyền nhiễm	007240	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	3	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Truyền nhiễm	14
97.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thạc sĩ y học	Truyền nhiễm	19207	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	10				
98.	Nguyễn Quang Huy	Bác sỹ	Truyền nhiễm		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	6				
99.	Lê Thị Hồng Linh	Bác sỹ	Truyền nhiễm	032858	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	6				
100.	Nguyễn Minh Trang	Thạc sĩ y học	Y học cổ truyền	14078	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	12	Y học cổ truyền	Kết hợp y học hiện đại và Y học cổ truyền trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Sử dụng các kỹ thuật: châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,… điều trị một số bệnh.	Khoa Y học cổ truyền	17
101.	Nguyễn Mẫu Thực	Thạc sĩ y học	Y học cổ truyền	5741	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	6				
102.	Nguyễn Văn Thành	Bác sĩ nội trú	Y học cổ truyền	16816	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	4				
103.	Đỗ Hoàng Lâm	Bác sĩ	Y học cổ truyền	33138	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	5				
104.	Hoàng Kim Chung	Bác sĩ	Y học cổ truyền	14077	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	33				

					Y học cổ truyền					
105.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ y học	Tai mũi họng	38730	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	3	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh tai mũi họng. Cấp cứu chấn thương tai mũi họng thường gặp.	Khoa Tai Mũi Họng	17
106.	Nguyễn Văn Tâm	Thạc sĩ y học	Tai mũi họng	37975	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	3				
107.	Đào Thúy Hiền	Bác sĩ nội trú	Tai mũi họng	405	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	9				
108.	Ngô Thị Thìn	Bác sĩ nội trú	Tai mũi họng	10190	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	2				
109.	Hoàng Văn Nhạ	Bác sĩ nội trú	Tai mũi họng	32231	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	4				
110.	Phùng Thị Thúy Hằng	Thạc sĩ y học	Mắt	12863	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	14	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh mắt thường gặp	Khoa Mắt	14
111.	Đinh Đăng Tùng	Thạc sĩ y học	Mắt	12751	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	3				
112.	Trần Thị Lan Hương	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Mắt	12861	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	23				
113.	Nguyễn Quốc Oai	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Mắt	12862	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	12				
114.	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thạc sĩ y học	Răng hàm mặt	184	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt thường	Khoa Răng hàm mặt	14
115.	Vũ Thanh Thương	Bác sĩ	Răng hàm mặt	19852	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	8				

					Răng Hàm Mặt			gặp		
116.	Ngô Huy Bình	Bác sĩ	Răng hàm mặt	27764	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	7				
117.	Trần Thị Kim Dung	Bác sĩ	Răng hàm mặt	20118	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	6				
118.	Nguyễn Thanh Hùng	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	19134	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	10	Ung thư	Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu	14
119.	Trần Ngọc Hải	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	19131	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	13				
120.	Thiều Thị Hằng	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	19842	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	9				
121.	Nguyễn Thế Thu	Thạc sĩ y học	Y học hạt nhân và Ung bướu	19133	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học hạt nhân, Ung bướu	11				
122.	Phạm Thị Thanh Huyền	Bác sĩ nội trú	Gây mê hồi sức	32872	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	4	Gây mê hồi sức	Chăm sóc và hồi sức bệnh nhân sau phẫu thuật Các phương pháp giảm đau sau phẫu thuật	Khoa Gây mê hồi sức	14
123.	Bùi Thị Minh Huệ	Bác sĩ nội trú	Gây mê hồi sức	19914	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	8				
124.	Nguyễn Văn Thắng	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	32238	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	4				
125.	Đinh Tuấn Anh	Bác sĩ	Gây mê hồi sức		Chuyên khoa Gây mê hồi sức	17				

2.2. CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Tống Thị Hoàng Hà	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Phụ Sản	003721	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	18	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Phụ Sản	10
2.	Trần Quang Hiệp	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Phụ Sản	000323	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	26				
3.	Phạm Thị Thu Thủy	Thạc sĩ y học	Điều dưỡng	0019390	Chăm sóc người bệnh	25				
4.	Trần Mạnh Cường	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại	032785	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	7	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Ngoại tổng hợp	10
5.	Trần Quế Sơn	Bác sĩ Nội trú	Ngoại		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	4				
6.	Vũ Tuyết Nhung	Cử nhân	Điều dưỡng	0013859	Chăm sóc người bệnh	18				
7.	Lê Thị Trang	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	3	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Chấn thương chỉnh hình và cột sống	7
8.	Phạm Duy Vũ	Cử nhân	Điều dưỡng	0006782	Chăm sóc người bệnh	3				

9.	Đặng Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0019830	Chăm sóc người bệnh	13			Khoa Phẫu thuật thần kinh	7
10.	Nguyễn Phương Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	032906	Chăm sóc người bệnh	3				
11.	Nguyễn Thị Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	0019331	Chăm sóc người bệnh	7	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Hô hấp	7
12.	Nguyễn Thị Chiến	Cử nhân	Điều dưỡng	0019310	Chăm sóc người bệnh	7				
13.	Phạm Văn Phúc	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	3			Khoa Tiêu hóa	7
14.	Hoàng Minh Vương	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	3				
15.	Nguyễn Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0010476	Chăm sóc người bệnh	23			Khoa Thận tiết niệu	7
16.	Đỗ Thị Hiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	038900	Chăm sóc người bệnh	2				
17.	Đặng Văn Khánh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019900	Chăm sóc người bệnh	8	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Tim mạch	10
18.	Phạm Thúy Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0019774	Chăm sóc người bệnh	11				
19.	Kiều Minh Tuấn	Cử nhân	Điều dưỡng	0012817	Chăm sóc người bệnh	9				
20.	Dương Thị Mai Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0012889	Chăm sóc người bệnh	19			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	4
21.	Phạm Thị Ngọc Lan	Cử nhân	Điều dưỡng	0019147	Chăm sóc người bệnh	15			Khoa Thần kinh	4

22.	Đinh Thị Thu Thủy	Cử nhân	Điều dưỡng	0019877	Chăm sóc người bệnh	11			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	7
23.	Vũ Thị Lan Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	32294	Chăm sóc người bệnh	20				
24.	Đỗ Thu Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	0010301	Chăm sóc người bệnh	21	Chăm sóc người lớn mắc bệnh truyền nhiễm	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	7
25.	Nguyễn Thiện Luân	Cử nhân	Điều dưỡng	032885	Chăm sóc người bệnh	5				
26.	Đỗ Thị Hải Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0010497	Chăm sóc người bệnh	10	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Cấp cứu	7
27.	Ngô Thị Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	2				
28.	Nguyễn Thị Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0012769	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng Sức khỏe Tâm thần	Chi tiết theo Phụ lục 1	Viện Sức khỏe tâm thần	7
29.	Nguyễn Thị Phương Huy	Cử nhân	Điều dưỡng	0012761	Chăm sóc người bệnh	15				
30.	Đỗ Thị Kim Chi	Cử nhân	Điều dưỡng	32134	Chăm sóc người bệnh	4	Điều dưỡng Sức khỏe trẻ em	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nhi	7
31.	Nguyễn Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	2				
32.	Bùi Văn Khánh	Thạc sĩ y học	Dị ứng MDLS	0019349	Khám chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng MDLS	11	Chăm sóc bệnh nhân Miễn dịch	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Dị ứng Miễn dịch	7

33.	Nguyễn Bích Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0019380	Chăm sóc người bệnh	23	Dị ứng		lâm sàng	
34.	Đào Thị Thủy	Cử nhân	Điều dưỡng	0010290	Chăm sóc người bệnh	21	Thực tế tốt nghiệp (Nhi, Nội, Ngoại, Truyền nhiễm)	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Nhi	7
35.	Nguyễn Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0010410	Chăm sóc người bệnh	17				
36.	Mai Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0012837	Chăm sóc người bệnh	18			Viện Tim mạch	7
37.	Dương Ngọc Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	0013948	Chăm sóc người bệnh	18				
38.	Chu Thị Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	0012885	Chăm sóc người bệnh	28			Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	4
39.	Đào Thị Kim Oanh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019859	Chăm sóc người bệnh	16			Khoa Thần kinh	7
40.	Lê Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0019152	Chăm sóc người bệnh	17				
41.	Đỗ Thị Thu Thành	Cử nhân	Điều dưỡng	032596	Chăm sóc người bệnh	9			Trung tâm Huyết học và Truyền máu	7
42.	Nguyễn Xuân Thành	Cử nhân	Điều dưỡng	0019692	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học	15				
43.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	0019314	Chăm sóc người bệnh	28			Trung tâm Hô hấp	7
44.	Nguyễn Thị Kim Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019312	Chăm sóc người bệnh	17				
45.	Nguyễn Thị Yến Yến	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	3			Khoa Tiêu hóa	7
46.	Phạm Văn Phúc	Cử nhân	Điều dưỡng		Chăm sóc người bệnh	3				
47.	Nguyễn Thị Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	038901	Chăm sóc người bệnh	2			Khoa Thận tiết	7

48.	Phạm Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	032814	Chăm sóc người bệnh	6			niệu	
49.	Đào Thu Thủy	Cử nhân	Điều dưỡng	0013902	Chăm sóc người bệnh	15			Khoa Ngoại tổng hợp	7
50.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0013861	Chăm sóc người bệnh	15				
51.	Hoàng Thị Hạ	Cử nhân	Điều dưỡng	036114	Chăm sóc người bệnh	2			Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	7
52.	Nguyễn Phương Nhung	Cử nhân	Điều dưỡng	0010350	Chăm sóc người bệnh	23				
53.	Trần Thị Sinh	Cử nhân	Điều dưỡng	032721	Chăm sóc người bệnh	2	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Khám bệnh	10
54.	Lê Thị Hồng Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0010330	Chăm sóc người bệnh					
55.	Lý Thị Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0012925	Chăm sóc người bệnh					

2.3. CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Trịnh Thế Anh	Bác sĩ nôi trú	Hồi sức cấp cứu	037360	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	2	Hồi sức cấp cứu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Hồi sức tích cực	4
2.	Trần Thị Thắm	Bác sĩ	Đa khoa	0013930	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	9	Dinh dưỡng Điều trị	Chi tiết theo Phụ lục 1	Dinh dưỡng lâm sàng	10
3.	Vũ Thị Thanh	Thạc sĩ y học	Dinh dưỡng	0013931	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	15				
4.	Nguyễn Thị Thế Thanh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Dinh dưỡng	0013929	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	23				

2.4. CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Trung Hiếu	Bác sĩ chuyên khoa định hướng	Huyết học truyền máu		Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	3	Huyết học tế bào	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	7
2.	Phạm Thị Hồng Quyên	Cử nhân	Kỹ thuật Y	032592	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	4				
3.	Phạm Thị Mai Lan	Cử nhân	Kỹ thuật Y	0352018	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	17	Thực hành xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh trùng	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Vi sinh	7
4.	Đặng Thị Thu Nga	Cử nhân	Kỹ thuật Y	033037	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	16				
5.	Vũ Minh Tâm	Bác sĩ chuyên khoa định hướng	Huyết học truyền máu	037452	Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	3	Huyết học đông máu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	7
6.	Đỗ Đình Đĩnh	Cử nhân	Kỹ thuật Y	0012717	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học	13				
7.	Nguyễn Thị Kim Thu	Chuyên khoa cấp I	Huyết học truyền máu	0019890	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	24	Huyết học truyền máu	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền	7

8.	Tôn Ái Thục	Chuyên khoa cấp I	Huyết học truyền máu	0012735	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	23			máu	
9.	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0012713	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	20	Xét nghiệm huyết học nâng cao	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	7
10.	Nguyễn Văn Hưng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	000169	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	19				
11.	Nguyễn Thị Hiếu	Cử nhân	Kỹ thuật Y		Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	30	Thực hành xét nghiệm Hoá sinh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Khoa Hóa sinh	10
12.	Nguyễn Thúy Hòa	Cử nhân	Kỹ thuật Y	0012798	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	15				
13.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cử nhân	Kỹ thuật Y	0012805	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	20				
14.	Nguyễn Tuấn Thành	Bác sĩ	Đa khoa		Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	4	Xét nghiệm tế bào I	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Giải phẫu bệnh TBBH	7
15.	Vũ Thị Thu Hảo	Cử nhân	Kỹ thuật Y	0010470	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	13				
16.	Trần Ngọc Minh	Thạc sĩ y học	Kỹ thuật Y		Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	8	Xét nghiệm tế bào II	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Giải phẫu bệnh TBBH	7
17.	Đỗ Ngọc Duẩn	Cử nhân	Kỹ thuật Y		Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	2				
18.	Đào Thị Luận	Thạc sĩ y học	Kỹ thuật Y		Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	4	Thực hành xét nghiệm Giải phẫu bệnh	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Giải phẫu bệnh TBBH	7
19.	Đỗ Văn Sơn	Cử nhân	Kỹ thuật Y		Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	2				

III. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
3.1. ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Số Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Trần Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ y học	Quản lý bệnh viện	0013966	Chăm sóc người bệnh. Quản lý y tế	25	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh Tim mạch	Viện Tim mạch	35
2.	Trịnh Thị Kim Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	032188	Chăm sóc người bệnh	32				
3.	Mai Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0012837	Chăm sóc người bệnh	18				
4.	Phạm Thị Hồng Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	0012819	Chăm sóc người bệnh	17				
5.	Tạ Thị Nghiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0019796	Chăm sóc người bệnh	31				
6.	Nguyễn Thị Thu Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	0012829	Chăm sóc người bệnh	24				
7.	Đặng Thị Thanh Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0013940	Chăm sóc người bệnh	26				
8.	Đoàn Văn Chính	Cử nhân	Điều dưỡng	032198	Chăm sóc người bệnh	6	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh Huyết học.	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	35
9.	Dương Hải Bằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0012727	Chăm sóc người bệnh	16				
10.	Trần Phương Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0010440	Chăm sóc người bệnh	18				

11.	Trần Thị Hương Lan	Cử nhân	Điều dưỡng	0012732	Chăm sóc người bệnh	8	khỏe người lớn nội 1			
12.	Vũ Thị Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0021948	Chăm sóc người bệnh	8				
13.	Lê Thị Soa	Cử nhân	Điều dưỡng	0019909	Chăm sóc người bệnh	15				
14.	Trịnh Minh Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0019357	Chăm sóc người bệnh	8				
15.	Tống Văn Minh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019294	Chăm sóc người bệnh	11	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh dị ứng miễn dịch.	Trung tâm Dị ứng, miễn dịch lâm sàng	15
16.	Đinh Thị Thu Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0019871	Chăm sóc người bệnh	20				
17.	Đỗ Thị Lịch	Cử nhân	Điều dưỡng	0019381	Chăm sóc người bệnh	13				
18.	Nguyễn Văn Ngân	Bác sĩ	Y đa khoa	035914	Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp, chuyên khoa Hô hấp	5	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh Hô hấp	Trung tâm Hô hấp	25
19.	Lê Thị Kim Thoa	Cử nhân	Điều dưỡng	032197	Chăm sóc người bệnh	12				
20.	Đỗ Thành Đô	Cử nhân	Điều dưỡng	0019309	Chăm sóc người bệnh	15				
21.	Nguyễn Thị Hòa	Cử nhân	Điều dưỡng	0019322	Chăm sóc người bệnh	20				
22.	Nguyễn Thị Lan Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019313	Chăm sóc người bệnh	12				
23.	Đặng Kiều Oanh	Cử nhân	Điều dưỡng	032193	Chăm sóc người bệnh	28	TTBV Điều dưỡng cơ sở;	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	Khoa Tiêu hóa	25
24.	Lê Thị Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	032677	Chăm sóc người bệnh	19				

25.	Lê Thị Lịch	Cử nhân	Điều dưỡng	0012671	Chăm sóc người bệnh	17	Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Hệ tiêu hóa		
26.	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cử nhân	Điều dưỡng	0012669	Chăm sóc người bệnh	12				
27.	Nguyễn Hoàng Tước	Cử nhân	Điều dưỡng	0019710	Chăm sóc người bệnh	7				
28.	Hoàng Văn Dũng	Tiến sĩ y học	Nội xương khớp	000615	Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp	14	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh nội xương khớp	Khoa Cơ xương khớp	30
29.	Trần Thị Ngọc Xuyến	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0010499	Chăm sóc người bệnh	17				
30.	Bùi Minh Phượng	Cử nhân	Điều dưỡng	0012683	Chăm sóc người bệnh	32				
31.	Nguyễn Thị Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	032874	Chăm sóc người bệnh	16				
32.	Lê Đức Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0021943	Chăm sóc người bệnh	8				
33.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	0010364	Chăm sóc người bệnh	14				
34.	Trịnh Phương Lâm	Thạc sĩ y học	Thần kinh	0019179	Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp, chuyên khoa thần kinh	11	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh thần kinh	Khoa Thần kinh	40
35.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0019148	Chăm sóc người bệnh	24				
36.	Nguyễn Mạnh Huynh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019150	Chăm sóc người bệnh	22				
37.	Trần Thị Tính	Cử nhân	Điều dưỡng	0019189	Chăm sóc người bệnh	7				
38.	Nguyễn Thị Duyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0019959	Chăm sóc người bệnh	11				
39.	Đinh Thị Lợi	Cử nhân	Điều dưỡng	0019258	Chăm sóc người bệnh	13				

40.	Khúc Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0019168	Chăm sóc người bệnh	10				
41.	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0019181	Chăm sóc người bệnh	17				
42.	Nguyễn Văn Thanh	Bác sĩ nội trú	Nội khoa	0010492	Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp, chuyên khoa Thận, tiết niệu		TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh thận tiết niệu	Khoa Thận tiết niệu	25
43.	Đỗ Thị Lan Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0010486	Chăm sóc người bệnh	33				
44.	Phan Tuệ Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	0010488	Chăm sóc người bệnh	30				
45.	Nguyễn Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0010476	Chăm sóc người bệnh	25				
46.	Nguyễn Thị Lệ Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	0019843	Chăm sóc người bệnh	21				
47.	Nguyễn Tiến Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0012874	Chăm sóc người bệnh	21	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh nội tiết và đái tháo đường	Khoa Nội tiết và Đái tháo đường	20
48.	Nguyễn Thị Kim Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0012875	Chăm sóc người bệnh	21				
49.	Vũ Thị Hậu	Cử nhân	Điều dưỡng	0012855	Chăm sóc người bệnh	31				
50.	Vũ Thị Hồng Bích	Cử nhân	Điều dưỡng	0012883	Chăm sóc người bệnh	21				
51.	Trần Đức Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019862	Chăm sóc người bệnh	31	Chăm sóc sức khỏe người lớn nội 1	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh gây mê hồi sức; người bệnh trước, và sau phẫu thuật	Khoa Gây mê hồi sức	10
52.	Nguyễn Minh Hoàng	Cử nhân	Điều dưỡng	0014009	Chăm sóc người bệnh	9				
53.	Nguyễn Đức Bộ	Cử nhân	Điều dưỡng	0019865	Chăm sóc người bệnh	20			Đơn vị hồi sức ngoại, Khoa Gây mê hồi sức	20
54.	Tống Bá Tân	Cử nhân	Điều dưỡng	0019876	Chăm sóc người bệnh	15				

55.	Vũ Thị Kiều Ly	Cử nhân	Điều dưỡng	032790	Chăm sóc người bệnh	7				
56.	Nguyễn Kim Hoán	Cử nhân	Điều dưỡng	0019336	Chăm sóc người bệnh	16				
57.	Ngô Thị Minh Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0013910	Chăm sóc người bệnh	31	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	30
58.	Đỗ Thị Thanh Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	032189	Chăm sóc người bệnh	10				
59.	Dương Hồng Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	0013863	Chăm sóc người bệnh	26				
60.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Cử nhân	Điều dưỡng	0013860	Chăm sóc người bệnh	15				
61.	Vũ Thị Nhã	Cử nhân	Điều dưỡng	0019696	Chăm sóc người bệnh	19				
62.	Nguyễn Thị Hồng Minh	Cử nhân	Điều dưỡng	0013911	Chăm sóc người bệnh	14				
63.	Phạm Thị Kim Thoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0010360	Chăm sóc người bệnh	26			Khoa Chấn thương chỉnh hình và cột sống	25
64.	Vũ Thị Mai Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0132196	Chăm sóc người bệnh	20				
65.	Đào Thị Kim Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0013903	Chăm sóc người bệnh	21				
66.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	032803	Chăm sóc người bệnh	6				
67.	Nguyễn Tuấn Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0019759	Chăm sóc người bệnh	23				
68.	Phạm Đức Tới	Cử nhân	Điều dưỡng	0019853	Chăm sóc người bệnh	28			Khoa phẫu thuật thần kinh	25
69.	Nguyễn Đăng Khoa	Cử nhân	Điều dưỡng	032897	Chăm sóc người bệnh	4				

70.	Vi Thị Thu Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	032895	Chăm sóc người bệnh	7				
71.	Đào Thị Thu Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	014825	Chăm sóc người bệnh	5				
72.	Đào Văn Hiếu	Cử nhân	Điều dưỡng	032907	Chăm sóc người bệnh	6				
73.	Phùng Văn Thắng	Cử nhân	Điều dưỡng	0019863	Chăm sóc người bệnh	13			Khoa Phẫu thuật lồng ngực	5
74.	Nguyễn Thúy Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	032187	Chăm sóc người bệnh	15	Chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ & trẻ sơ sinh	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	20
75.	Phạm Thị Việt Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0019391	Chăm sóc người bệnh	16				
76.	Nguyễn Minh Phượng	Cử nhân	Điều dưỡng	0021938	Chăm sóc người bệnh	28				
77.	Hà Thị Bích	Cử nhân	Điều dưỡng	032843	Chăm sóc người bệnh	19				
78.	Nguyễn Thành Nam	Tiến sĩ y học	Nhi khoa	001083	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	18	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc sức khỏe trẻ em"	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc điều dưỡng cho trẻ em.	Khoa Nhi	25
79.	Cao Thị Bích Hảo	Thạc sĩ y học	Nhi khoa	32131	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	5				
80.	Nguyễn Quỳnh Châm	Thạc sĩ	Điều dưỡng	032192	Chăm sóc người bệnh	17				
81.	Lê Thúy Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	0019685	Chăm sóc người bệnh	22				
82.	Hà Thị Kim Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	0010310	Chăm sóc người bệnh	16				
83.	Vũ Đình Tiến	Thạc sĩ	Điều dưỡng	032190	Chăm sóc người bệnh	16	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và	Thực hiện các kỹ thuật cấp cứu, các kỹ thuật điều dưỡng và chăm	Khoa Hồi sức tích cực	20
84.	Hoàng Minh Hoàn	Cử nhân	Điều dưỡng	0010313	Chăm sóc người bệnh	18				

85.	Dương Thị Nguyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0012906	Chăm sóc người bệnh	17	chăm sóc tích cực và Bệnh Truyền nhiễm	sóc người bệnh tại khoa cấp cứu và hồi sức tích cực; Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm		
86.	Lê Thị Mai Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0012921	Chăm sóc người bệnh	19				
87.	Nguyễn Mạnh Chung	Cử nhân	Điều dưỡng	0010513	Chăm sóc người bệnh	16			Khoa Cấp cứu	15
88.	Phạm Văn Tưởng	Cử nhân	Điều dưỡng	0010507	Chăm sóc người bệnh	19				
89.	Vũ Xuân Thắng	Cử nhân	Điều dưỡng	0010526	Chăm sóc người bệnh	17				
90.	Lê Thị Hương Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0019262	Chăm sóc người bệnh	21			Trung tâm Chống độc	25
91.	Dương Thị Lương	Cử nhân	Điều dưỡng	0019261	Chăm sóc người bệnh	17				
92.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Cử nhân	Điều dưỡng	0019282	Chăm sóc người bệnh	14				
93.	Nguyễn Thị Bích Hường	Cử nhân	Điều dưỡng	0019271	Chăm sóc người bệnh	19				
94.	Vũ Thị Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0019281	Chăm sóc người bệnh	29				
95.	Bùi Minh Thu	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0013985	Chăm sóc người bệnh	27			Trung tâm Bệnh Nhiệt đới	25
96.	Đặng Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0019942	Chăm sóc người bệnh					
97.	Huỳnh Thị Thu Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0010320	Chăm sóc người bệnh	16				
98.	Bùi Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0010280	Chăm sóc người bệnh	26				
99.	Huỳnh Thị Thu Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0010320	Chăm sóc người bệnh	16				
100.	Vũ Thị Thu Quế	Cử nhân	Điều dưỡng	0014075	Chăm sóc người bệnh	21	CSNB Y học cổ	Thực hiện các kỹ thuật chăm	Khoa Y học cổ	15

101.	Triệu Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0012884	Chăm sóc người bệnh	19	truyền	sóc điều dưỡng cho người bệnh bằng các phương pháp Y học cổ truyền.	truyền	
102.	Hoàng Văn Hiện	Cử nhân	Điều dưỡng	0014080	Chăm sóc người bệnh	17				
103.	Phan Thị Thu Huệ	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0023272	Chăm sóc người bệnh	21	TTBV Điều dưỡng cơ sở; CSNB Ung bướu	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh ung bướu	Trung tâm Y học hạt nhân & Ung bướu	25
104.	Lê Thị Hiền	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0019127	Chăm sóc người bệnh	11				
105.	Phạm Thanh Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	032195	Chăm sóc người bệnh	18				
106.	Đinh Trần Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	032673	Chăm sóc người bệnh	16				
107.	Trương Thị Nhung	Cử nhân	Điều dưỡng	0019124	Chăm sóc người bệnh	15				
108.	Phạm Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0012782	Chăm sóc người bệnh	21	TTBV Điều dưỡng cơ sở; Chăm sóc người bệnh Tâm thần	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh tâm thần	Viện sức khỏe tâm thần	30
109.	Nguyễn Hoàng Chính	Thạc sĩ	Điều dưỡng/ QLGD	032191	Chăm sóc người bệnh	11				
110.	Nguyễn Thị Mai	Cử nhân	Điều dưỡng	0019214	Chăm sóc người bệnh	14				
111.	Nguyễn Thị Bích	Cử nhân	Điều dưỡng	0012770	Chăm sóc người bệnh	10				
112.	Trần Thị Thoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0012774	Chăm sóc người bệnh	19				
113.	Đỗ Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0012756	Chăm sóc người bệnh	21				
114.	Nguyễn Hải Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	032199	Chăm sóc người bệnh	17	TTBV Điều dưỡng cơ sở;	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	Trung tâm Phục hồi chức năng	30
115.	Phạm Thị Phương Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0019749	Chăm sóc người bệnh	20				

116.	Nguyễn Thị Hoài Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	028137	Chăm sóc người bệnh	21	CSNB PHCN	Phục hồi chức năng		
117.	Trịnh Thị Thanh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	028134	Chăm sóc người bệnh	11				
118.	Võ Thị Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	0012691	Chăm sóc người bệnh	30				
119.	Nguyễn Thị Khánh Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0012698	Chăm sóc người bệnh	13				
120.	Trịnh Thị Kim Cúc	Bá sĩ chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt	002143	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	29	CSNB Chuyên khoa	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh RHM, TMH, Mắt, Da liễu.	Khoa Răng hàm mặt	10
121.	Phạm Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0019228	Chăm sóc người bệnh	25				
122.	Trịnh Tú Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	0019410	Chăm sóc người bệnh	27			Khoa Tai Mũi Họng	5
123.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0021947	Chăm sóc người bệnh	17			Khoa Mắt	5
124.	Bùi Thị Diệu Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	0013900	Chăm sóc người bệnh	19			Khoa Da liễu	5

3.2. KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Nguyễn Khôi Việt	Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	032205	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	15	Kỹ thuật X quang thông thường Kỹ thuật X quang đặc biệt Kỹ thuật siêu âm Chẩn đoán hình ảnh Xquang Thực tập Bệnh viện 1 Thực tập Bệnh viện 2	Các kỹ thuật chụp X quang thường quy Các kỹ thuật chụp X quang đặc biệt Thực hiện được một số KT siêu âm cơ bản Chẩn đoán của một số bệnh học thông thường trên phim X quang. Vận hành, sử dụng, bảo quản thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh, đúng quy trình kỹ thuật. In phim đúng quy cách và thời gian quy định	Trung tâm Điện quang	
2.	Phạm Mạnh Cường	Tiến sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019681	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	14				
3.	Trịnh Hà Châu	Thạc sĩ y học	Chẩn đoán hình ảnh	0019707	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	9				
4.	Lê Thị My	Bác sĩ nội trú	Chẩn đoán hình ảnh	032206	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	7				

5.	Lê Văn Chuyên	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0012742	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	19	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ, Thực tập Bệnh viện 3	Thực hiện được các chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ. Vận hành, sử dụng, bảo quản thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh, đúng quy trình kỹ thuật. Thực hiện được kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính thông thường. In phim đúng quy cách và thời gian quy định.		
6.	Nguyễn Tuấn Dũng	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0019430	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	25				
7.	Nguyễn Văn Hòa	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0019419	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11				
8.	Trần Duy Hưng	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0012746	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	30				
9.	Phan Anh Phương	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0012744	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11				
10.	Lê Văn Tài	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0019237	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11				
11.	Lê Xuân Thanh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0012745	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	11				
12.	Nguyễn Công Tiến	Thạc sĩ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	0019431	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	13				

3.3. VẬT LÝ TRỊ LIỆU – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Lê Thị Phương Dung	Bác sĩ	Phục hồi chức năng	0019708	Phục hồi chức năng	9	1. Vận động trị liệu 2. Lượng giá chức năng vận động 3. Các phương pháp điều trị bằng vật lý 4. VLTL PHCN các bệnh lý cơ xương khớp và cột sống 5. VLTL PHCN các bệnh lý hệ thần kinh – cơ	Chi tiết theo Phụ lục 1	Trung tâm Phục hồi chức năng	60
2.	Nguyễn Thị Dung	Thạc sĩ y học	Phục hồi chức năng	0030072	Phục hồi chức năng	6				
3.	Đặng Văn Tú	Cử nhân	Phục hồi chức năng	0019211	Chuyên khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	20				
4.	Nguyễn Phú Sỹ	Cử nhân cao đẳng	Phục hồi chức năng	0019730	Chuyên khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	11				
5.	Đinh Đăng Tài	Cử nhân	Phục hồi chức năng	0019420	Chuyên khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	15				
6.	Nguyễn Thị Kim Liên	Kỹ thuật viên	Phục hồi chức năng	0012702	Chuyên khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	11				
7.	Trần Văn Dần	Cử nhân	Phục hồi chức năng	0012701	Phục hồi chức năng	25				
8.	Nguyễn Hải Linh	Cử nhân cao đẳng	Phục hồi chức năng	0019734	Chuyên khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	9				

9.	Nguyễn Thành Nam	Cử nhân	Phục hồi chức năng	0019699	Phục hồi chức năng	11	6. VLTL PHCN các bệnh lý hệ tim mạch – hô hấp 7. VLTL PHCN các bệnh lý hệ da – tiết niệu, sinh dục và nội tiết 8. Ngôn ngữ trị liệu 9. Hoạt động trị liệu 10.Xoa bóp trị liệu 11.Thực tập bệnh viện 1 12.Thực tập bệnh viện 2 13.Thực tập bệnh viện 3 14.Thực tập tốt nghiệp			
10.	Ngô Thị Lệ Thủy	Cử nhân cao đẳng	Phục hồi chức năng	0019234	Chuyên khoa Phục hồi chức năng	7				
11.	Hà Thị Nga	Cử nhân	Phục hồi chức năng	0021942	Chuyên khoa Phục hồi chức năng	8				
12.	Nguyễn Trinh Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0012706	Chuyên khoa Phục hồi chức năng	31				

3.4. KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM

STT	Họ và tên	*Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú*	*Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo*	*Chứng chỉ hành nghề*	*Ngành /chuyên ngành đang hành nghề*	*Số năm kinh nghiệm KCB*	*Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành*	*Nội dung môn học*	*Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành*	*Số giường đạt yêu cầu thực hành*
1.	Đỗ Tiến Dũng	Thạc sĩ y học	Huyết học truyền máu	0010302	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học - Truyền máu và Xét nghiệm Huyết học	13	Huyết học 3; TTBV Huyết học 1,2	Thực hiện các xét nghiệm Huyết học cơ bản và nâng cao: tế bào, đông máu, phát máu	Trung tâm Huyết học và Truyền máu	
2.	Ngô Trọng Công	Bác sĩ	Y đa khoa	032594	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học	5				
3.	Hoàng Văn Hiên	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0012711	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	11				
4.	Nguyễn Văn Chính	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	036117	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	5				
5.	Nguyễn Thị Kim Hoa	Cử nhân	Cử nhân sinh học	0019911	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	24				
6.	Nguyễn Văn Huyền	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0019893	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	9				
7.	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Cử nhân	Cử nhân sinh học	0010388	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	14				

8.	Trần Thị Oanh	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0019905	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	9				
9.	Đỗ Thị Răm	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0019726	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	12				
10.	Bùi Diệu Thúy	Cử nhân	Cử nhân sinh học	0019200	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu	23				
11.	Phạm Thị Mai Phương	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0012802	Chuyên khoa Xét nghiệm Hóa sinh	22	Hóa sinh 3, TTBV Hóa sinh 1,2	Thực hiện được một số xét nghiệm hóa sinh cơ bản và nâng cao; một số xét nghiệm hóa sinh chuyên sâu	Khoa Hóa sinh	
12.	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0019203	Chuyên khoa Xét nghiệm Hóa sinh	25				
13.	Vương Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0019755	Chuyên khoa Xét nghiệm Hóa sinh	22				
14.	Trịnh Thị Thanh Thúy	Cử nhân	Kỹ thuật Y học	0012803	Chuyên khoa Xét nghiệm Hóa sinh	33				
15.	Vũ Thị Thu Trang	Thạc sĩ y học	Hóa sinh	0012806	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	11				
16.	Hoàng Minh Tuấn	Thạc sĩ y học	Hóa sinh	0019886	Chuyên khoa Xét nghiệm Hoá sinh	9				
17.	Nguyễn Ngọc Điệp	Thạc sĩ y học	Vi sinh	035219	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	12	Vi ký sinh 3; TTBV Vi ký sinh 1,2	Thực hiện các xét nghiệm Vi sinh, ký sinh trùng, nấm cơ bản và nâng cao	Khoa Vi sinh	
18.	Nguyễn thị Lan Hương	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0012786	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	7				
19.	Mai Thị Lan Hương	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0012725	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	16				
20.	Phạm Thị Thảo Hương	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0012783	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	16				
21.	Trương Thái Phương	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0019098	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	17				
22.	Nguyễn Sâm	Thạc sĩ y học	Vi sinh	0012784	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	17				

23.	Lê Khánh Trâm	Tiến sĩ y học	Vi sinh	0019898	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	20				
24.	Phạm Hồng Nhung	Tiến sĩ y học	Vi sinh	0019366	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	21				
25.	Trần Bá Sinh	Bác sỹ	Vi sinh	0019140	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	21				